TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **93**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2025
V/v *"Ly hôn, trA chấp về nuôi con"*

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Chí**
Ông **Lê Thiên Hoàng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Htham gia phiên tòa:*** Ông **Trần ThA Sơn** – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hxét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 03 năm 2025 về việc "*Ly hôn, trA chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Huỳnh Ngọc T** – Sinh năm 2003
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Hồ Hữu N** – Sinh năm 1995
Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Huỳnh Ngọc T trình bày:*

Bà và ông Hồ Hữu N tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2021 tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã T. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên kình cãi nhau. Năm 2024, bà đã nộp đơn ly hôn và rút lại đơn cho vợ chồng hàn gắn nhưng vẫn

không hòa hợp. Nay tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn quan tâm chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hồ Hữu N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên Hồ Đăng A, sinh ngày 13/9/2021. Bà yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn – ông Hồ Hữu N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày.*

**** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Htrình bày quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở vì tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà T và ông N có 01 con chung tên Hồ Đăng A, sinh ngày 13/9/2021. Xét bà T đang nuôi cháu A nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nuôi con chung Hồ Đăng A, sinh ngày 13/9/2021. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hồ Hữu N đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Hồ Hữu N có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố A, phường H, thị xã T, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ trA chấp:* Bà T yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông N nên Hội đồng xét xử xác định đây là trA chấp về việc *"Ly hôn, trA chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc T và ông Hồ Hữu N tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, thị xã H cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 26/2021, cấp ngày 07 tháng 6 năm 2021. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Huỳnh Ngọc T và ông Hồ Hữu N là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên kình cãi nhau. Từ đó làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và không còn quan tâm, chung sống với nhau nữa là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Ông Hồ Hữu N đã được triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, N vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa bà T và ông N không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà T và ông N có một con chung tên Hồ Đăng A, sinh ngày 13/9/2021. Bà T trình bày từ khi bà và ông N không chung sống với nhau thì bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu A nên yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Ông N đã được triệu tập nhưng không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung.

Xét, cháu A còn nhỏ và hiện nay bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn là quyền, N vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho cháu có đủ điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Hồ Đăng A, sinh ngày 13/9/2021 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Sau khi ly hôn, ông N có quyền, N vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hvề việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và trA chấp con

chung là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của vị đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc T được ly hôn với ông Hồ Hữu N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Đăng A, sinh ngày 13/9/2021 cho bà Nguyễn Huỳnh Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, ông N có quyền, N vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh Ngọc T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002560 ngày 25/03/2025 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã T. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã T;
- THADS thị xã T;
- UBND xã P, tx. H(GCNKH số 26 ngày 07/6/2021);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Huỳnh Tường Viên